

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2017/HSST

Ngày 06 tháng 3 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Nguyễn Thị Hằng – Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Hội Nông dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

2. Ông Đinh Văn Giang – Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Bệnh viện đa khoa huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nông Văn An – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thạch An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thủ – Kiểm sát viên.

Ngày 06/03/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2017/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2017 đối với bị cáo:

Nông Văn T, Sinh ngày 30/10/1974; Giới tính: nam;

ĐKNKTT: Xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/12;

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không.

Con ông: Nông Văn T (đã chết); Con bà: Hoàng Thị C sinh năm 1932;

Vợ: Bế Thị T sinh năm 1978; Bị cáo có hai con, con thứ nhất sinh năm 1999, con thứ hai sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 0771 lập ngày 12/12/2016 tại Công an huyện Thạch An.

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 04/12/2016, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1969

Trú tại Xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi liên quan: ông Sầm Văn T, sinh năm 1975

Trú tại Bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng:

1. Bà Nông Thị D, sinh năm 1966, trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Bà Nông Thị H, sinh năm 1971, trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (có mặt tại phiên tòa)

3. Bà Nông Thị N, sinh năm 1975, trú tại xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt tại phiên tòa)

4. Ông Nông Việt D, sinh năm 1960, trú tại xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (có mặt tại phiên tòa)

5. Bà Bé Thị T, sinh năm 1978, trú tại xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (có mặt tại phiên tòa)

6. Bà Nông Thị H, sinh năm 1967, trú tại Tổ dân phố 2, Thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nông Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 02/12/2016 Nông Văn T đã đi từ nhà theo đường tắt ra khu ruộng nơi ông Hoàng Văn L trú cùng thôn Nà Sloòng buộc ngựa chẵn thả. T đã dùng tay bẻ gãy cọc gỗ, lấy cỏ khô nhét vào chiếc chuông ở cổ ngựa nhằm tránh phát ra tiếng kêu leng keng, rồi dắt ngựa về nhà. Khi về gần đến nhà, T vào nhà lấy một chiếc túi nilon và dùng xe mô tô biển kiểm soát 11Z2-7173 của T dong con ngựa đi ra thị trấn Đ. Đi được khoảng 100m thì T dừng lại lấy cỏ khô nhét tiếp vào bên trong chiếc chuông và dùng túi nilon buộc chiếc chuông lại, rồi tiếp tục dong ngựa đi theo đường Pò Hâu - Nà Chang - Nà Tục đến quốc lộ 4A, đi qua xã Đ, L, đến đoạn dốc Kha Chái thì dắt ngựa vào bụi cây cách đường khoảng 04 mét, sau đó T đi về nhà ngủ, lúc đó khoảng 04 giờ sáng.

Đến 09 giờ cùng ngày T đi xe mô tô biển kiểm soát 11Z2-7173 đến thôn Tục Ngã rồi gọi điện thoại cho ông Sầm Văn T ở xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn nói là "có ngựa cái bán, giá 12 triệu". Ông T nói "để sang xem ngựa đã". Sau đó ông T đến dốc Kha Chái để xem ngựa, rồi bị cáo T và ông T đến quán ông Nông Việt D để thỏa thuận giá mua ngựa là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Sau khi giao đủ tiền cho T, cả hai người quay lại chỗ T dắt ngựa, ông T dắt ngựa về, còn bị cáo T về nhà. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, bị cáo T mang 10.000.000đ (mười triệu đồng) trong số tiền vừa bán ngựa trả nợ cho bà Nông Thị H, số tiền còn lại 2.000.000đ (hai triệu đồng) bị cáo T đem về nhà cất dấu.

Sau khi phát hiện con ngựa bị mất trộm, ông Hoàng Văn L đã tổ chức tìm kiếm và có đơn gửi Công an huyện T. Qua công tác điều tra ban đầu, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xác định được thủ phạm trộm ngựa là Nông Văn T, ngày 04/12/2016 Nông Văn T đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T bắt khẩn cấp, đồng thời tạm giữ những đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án gồm:

- Tạm giữ của Nông Văn T:
 - + 01 chiếc xe mô tô BKS 11Z2-7173;
 - + 01 giấy đăng ký xe xe mô tô BKS 11Z2-7173 mang tên Nông Văn T;
 - + 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
 - + 02 chiếc điện thoại di động NOKIA vỏ màu đen đã qua sử dụng (gồm 01 chiếc NOKIA 206 và 01 chiếc NOKIA 980);
 - + 02 đoạn gỗ tròn đường kính 04cm (gồm 01 đoạn dài 26,5cm và 01 đoạn dài 23,5cm);
- Tạm giữ của ông Sầm Văn T:
 - + 01 con ngựa cái có lông màu vàng khoảng 8 đến 10 tuổi;
 - + 01 vòng khuyên bằng sừng trâu, kích thước 10,5x06x04cm có gắn một đoạn dây thừng dài 93cm, hai đầu có thắt nút; 01 chiếc vòng bằng kim loại màu xám đen, chuông có gắn dây kim loại.
- Tạm giữ của bà Nông Thị H: 10.000.000đ (mười triệu đồng) là số tiền do Nông Văn Thành trả nợ cho bà Hiếu.

Ngày 05/12/2016 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản. Ngày 08/12/2016 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T có kết luận số 10/KL-HĐĐGTS: giá trị của con ngựa là 11.500.000đ (mười một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Ngày 03/12/2016 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả con ngựa cho ông Hoàng Văn L quản lý và chăm sóc trong quá trình điều tra vụ án.

Đối với ông Sầm Văn T là người mua ngựa với Nông Văn T do trong quá trình trao đổi mua bán ngựa, ông T không biết con ngựa do bị cáo T trộm cắp mà có nên ngày 09/01/2017 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho ông T 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 02/CTr-KSĐT ngày 23 tháng 01 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nông Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố Nông Văn T về tội trộm cắp tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự

+ Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước đối với chiếc xe mô tô BKS 11Z2-7173 mang tên Nông Văn T và 01 chiếc điện thoại NOKIA 206, 01 chiếc điện thoại NOKIA 980 đã qua sử dụng là phương tiện mà bị cáo Nông Văn T đã dùng vào việc thực hiện phạm tội.

+ Trả cho ông Hoàng Văn L 01 vòng khuyên bằng sừng trâu kích thước 10,5 x 06 x 04 cm có gắn một đoạn dây thừng dài 93cm hai đầu dây có thắt nút; 01 chiếc chuông bằng kim loại màu xám đen, có gắn dây kim loại.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 đoạn cây gỗ tròn cộc buộc ngựa bị Nông Văn T bẻ gãy do không còn giá trị sử dụng.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ ngày 02/12/2016 bị cáo Nông Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt con ngựa của ông Hoàng Văn L đang buộc ở khu ruộng Nhà Slong, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng đem bán cho ông Sầm Văn T với giá là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Theo Kết luận số 10/KL-HĐĐGTS ngày 08/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị của con ngựa là 11.500.000đ (mười một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn). Như vậy, hành vi của bị cáo Nông Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

- Xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu sài, bị cáo đã lợi dụng đêm tối và sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt con ngựa đưa đi tiêu thụ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an trong khu vực dân cư.

Về nhân thân của bị cáo: Tuy không có tiền án, tiền sự nhưng năm 2000 bị cáo có hành vi trộm cắp gỗ và đã bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính, bị cáo không lấy đó làm bài học để rút kinh nghiệm phấn đấu làm người lương thiện, nay lại tiếp tục trộm ngựa để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Vì vậy cần phải có một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: con ngựa mà bị cáo trộm đã được trả cho chủ sở hữu; ông

Sầm Văn T cũng đã nhận lại số tiền mua con ngựa là 12.000.000đ, hậu quả của tội phạm đã được khắc phục; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các tình tiết này được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề xuất áp dụng các điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Phản tranh luận bị cáo không có ý kiến gì thêm, chỉ có ý kiến nói lời sau cùng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội chuộc lỗi lầm.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Tài sản bị Nông Văn T trộm cắp là con ngựa cái màu vàng đã được trả lại cho chủ sở hữu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Hoàng Văn L có yêu cầu bị cáo Nông Văn T phải bồi thường tiền công trong thời gian đi tìm con ngựa tổng cộng là 06 công x 350.000đ = 2.100.000đ. Tại phiên tòa bị cáo Nông Văn T hoàn toàn tự nguyện chấp nhận phải bồi thường tiền công ông Hoàng Văn L trong thời gian đi tìm con ngựa tổng cộng là 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng chẵn), ngoài ra tại phiên tòa bà Bé Thị T là người tham gia tố tụng được triệu tập với tư cách là người làm chứng, là vợ bị cáo Nông Văn T cũng khai nhận ngày 02/02/2017 bà T đã đem 2,1 triệu đồng đến nhà ông L để bồi thường nhưng ông L không nhận. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện chấp nhận bồi thường tại phiên tòa của bị cáo là có căn cứ pháp luật, cần được ghi nhận.

+ Ông Sầm Văn T trong quá trình mua ngựa với bị cáo Nông Văn T do không biết con ngựa do bị cáo T trộm cắp mà có đồng thời trong quá trình mua bán bị cáo T cam đoan con ngựa là của bị cáo T, nên cơ quan điều tra đã không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Sầm Văn T là đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra ông Sầm Văn T đã được cơ quan điều tra trả lại 12.000.000đ (mười hai triệu đồng chẵn) và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Bà Nông Thị H đã nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra 10.000.000đ (mười triệu đồng) là tiền bị cáo Nông Văn T trả nợ, xét thấy khi nhận tiền bà H không biết số tiền đó do bị cáo Nông Văn T có được từ việc trộm cắp, nên cơ quan điều tra đã thu hồi và không xem xét quy trách nhiệm đối với bà H là đúng pháp luật. Việc bị cáo đang nợ tiền của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ dân sự giữa bị cáo T và bà H nên không xem xét trong vụ án.

- Về xử lý vật chứng của vụ án:

+ Đối với con ngựa đã được cơ quan điều tra thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu là đúng với quy định của pháp luật.

+ Đối với chiếc xe mô tô BKS 11Z2-7173 mang tên Nông Văn T và 01 chiếc điện thoại NOKIA 206 (vỏ màu đen) đã qua sử dụng là phương tiện mà bị cáo Nông Văn T đã dùng vào việc thực hiện phạm tội nên cần áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 02 điện thoại thu giữ của bị cáo Nông Văn T thì có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 980 (màn hình cảm ứng đã bị vỡ, vỏ màu đen đã qua sử dụng) không sử dụng vào việc phạm tội, vì vậy cần trả lại cho bị cáo Nông Văn T là đúng quy định của pháp luật.

+ 01 vòng khuyên bằng sừng trâu kích thước 10,5 x 06 x 04 cm có gắn một đoạn dây thừng dài 93cm hai đầu dây có thắt nút; 01 chiếc chuông bằng kim loại màu xám đen, có gắn dây kim loại thuộc sở hữu của ông Hoàng Văn L, tại phiên tòa ông Long có yêu cầu nhận lại nên cần trả cho ông Hoàng Văn L.

+ 02 đoạn cây gỗ tròn cộc buộc ngựa bị Nông Văn T bẻ gãy do không còn giá trị sử dụng, tại phiên tòa ông L không có nhu cầu nhận lại nên xử tịch thu tiêu hủy.

- **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nông Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/12/2016.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự 2015:

- Xác nhận 01 con ngựa cái lông màu vàng khoảng 8 đến 10 tuổi đã được Công an huyện T trả cho ông Hoàng Văn L (trú tại: Nhà Sloòng, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng) theo biên bản bàn giao ngày 03 tháng 12 năm 2016.

- Xác nhận ông Sầm Văn T trú tại Bản Sảng, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã nhận lại đủ 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) và không có yêu cầu gì thêm.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nông Văn T tại phiên tòa: bị cáo Nông Văn T chấp nhận bồi thường cho ông Hoàng Văn L (trú tại: Nhà Sloòng, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng) chi phí và thu nhập bị mất trong thời gian tổ chức đi tìm ngựa với số tiền là: 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì sẽ phải chịu lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, b, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu xanh, xe đã qua sử dụng, BKS 11Z2-7173, Số khung: 225707, số máy: 5699154 kèm theo 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô BKS 11Z2-7173 mang tên Nông Văn T và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 206 của Nông Văn T.

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) đoạn gỗ tròn đường kính 04cm (gồm 01 đoạn dài 26,5cm và 01 đoạn dài 23,5cm) do không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 980 màn hình cảm ứng đã bị vỡ, vỏ màu đen đã qua sử dụng.

- Trả lại cho ông Hoàng Văn L 01 (một) vòng khuyên bằng sừng trâu kích thước 10,5 x 06 x 04 cm có gắn một đoạn dây thừng dài 93cm, hai đầu dây có thắt nút; 01 (một) chiếc chuông bằng kim loại màu xám đen, có gắn dây kim loại, nửa đoạn dây được bọc bằng ống nhựa.

Xác nhận số vật chứng nói trên hiện đang được tạm giữ tại kho tang vật của Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 23/01/2017 giữa Công an huyện T và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.00đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự. Tổng cộng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, người bị hại. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi liên quan, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Thạch An;
- Công an huyện Thạch An;
- Chi Cục THA DS huyện Thạch An;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thanh Diệp